

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thanh;

- Bà Ngô Thị Lệ Thi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXXST-HN ngày 01/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Cẩm H, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 9, ấp L, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Hùng O, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 8, ấp M, xã C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà H, ông O đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Cẩm H trình bày:

Bà H và ông O tự tìm hiểu yêu thương và hai người quyết định sống chung sống với nhau vào năm 2016, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm

2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông O.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông O có 01 con chung tên Trương Cẩm N, sinh ngày 27/4/2019, hiện cháu N đang sống với ông O. Bà H yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Hùng O trình bày: Thống nhất với bà H về thời gian và điều kiện đi đến sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Trương Cẩm N, sinh ngày 27/4/2019. Vợ chồng không còn hòa thuận, sống xa cách từ đầu năm 2022. Nay tình cảm không còn, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trương Cẩm N, sinh ngày 27/4/2019. Thời gian đầu vợ chồng cùng nuôi dạy cháu, đến khoảng tháng 11 năm 2021 bà H bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh sống nên ông dẫn con về nhà mẹ ruột ở đến nay. Ông không đồng ý giao cháu N cho bà H, vì điều kiện nuôi con của bà H không đảm bảo tốt cho cháu N. Riêng ông hiện kinh doanh xăng dầu, có mẹ ruột phụ giúp trông nom cháu N, nên ông yêu cầu được quyền nuôi dạy cháu N đến trưởng thành thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà H và ông O không đăng ký kết hôn nên Tòa án không hòa giải về hôn nhân.

Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về con chung, nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Bà H, ông O thống nhất ly hôn; về con chung: Thống nhất giao cháu Trương Cẩm N cho ông O nuôi dạy, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông O phải tạo điều kiện cho bà H đến thăm con chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi chung là BLTTDS); Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà H, ông O chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến nay không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quan hệ vợ

chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà H và ông O là vợ chồng.

Đối với con chung: Bà H, ông O đã thỏa thuận được quyền nuôi dạy con chung, cụ thể giao cháu N cho ông O nuôi dạy, bà H không cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H:

Bà Trương Thị Cẩm H và ông Đoàn Hùng O thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 2016, nhưng không đăng ký kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2022, Ủy ban nhân dân xã C, thành phố K, cho biết: Qua trích lục sổ bộ lưu hộ tịch thì bà Trương Thị Cẩm H và ông Đoàn Hùng O không có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Do đó, không công nhận bà Trương Thị Cẩm H và ông Đoàn Hùng O là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, bà H, ông O đã thỏa thuận được quyền nuôi dạy con chung, cụ thể bà H đồng ý giao cháu N cho ông O nuôi dạy, bà H không cấp dưỡng, do đó công nhận sự thỏa thuận của bà H, ông O.

Ông O cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông O thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, nên bà H không phải nộp thêm án phí.

- Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Trương Thị Cẩm H và ông Đoàn Hùng O là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Đoàn Hùng O được quyền nuôi dạy cháu Trương Cẩm N, sinh ngày 27/4/2019 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bà Trương Thị Cẩm H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông O cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Cẩm H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002050 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Đoàn Hùng O không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H, ông O có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh An Giang (1);
 - Chi cục Thi hành án DS
- TPCĐ (1);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ (1),
 - Lưu văn phòng (1).

Lư Thị Châu Ngọc